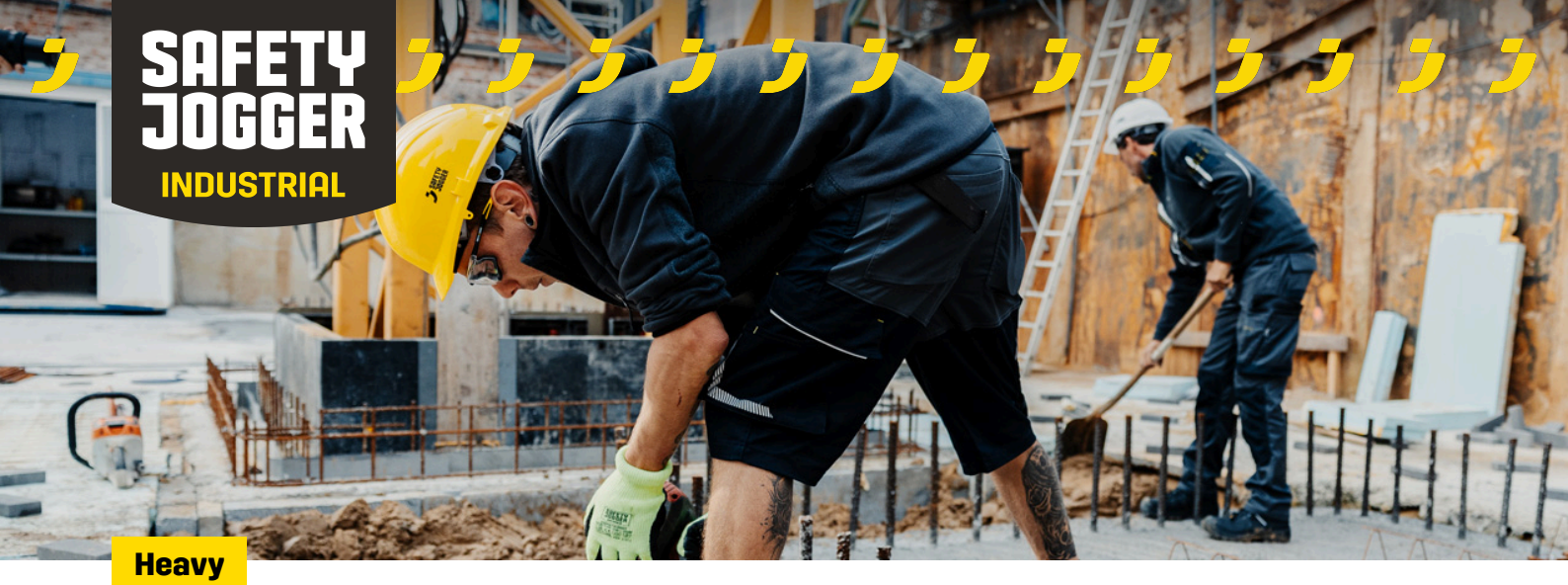


SAFETY JOGGER INDUSTRIAL

Heavy

VESUVIO S3 LOW

VESUVIOS3L

Giày da đầ y đủ chứ c **năng ngoài PU/Cao su bám** đư ờn g

Safety Jogger VESUVIOS3M: giày bảo h ộ chắc chấn việ da thoáng khí, đế ngoài S3 [illegible] phù hợp các ngành công n ghiệ và môi trườ h ỏi khắt khe.



DBN



BLK

Những vật liệu cao cấp hơn ựa điển Da ng	
lót bên trong	i 3D tái chế (100% tái chế)
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	BASF PU/Cao Su (NBR)
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S3 / SR, SC, FO, HI, HRO, CI
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng thép	0.720 kg
ẩn hiệu chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022



Mặt **trên** bằng **da thoáng khí** Da tự nhiên [illegible] các ứng dụng linh hoạt



& nhiên đầu ế ngoài có khả năng và nhiên liệu.



S3
Giày bảo hộ lao động S3 thích hợp làm việc trong môi [illegible] cao và bon. Những đôi giày này cũng bảo vệ [illegible] nguy hiểm [illegible] đế và nghiền nát bàn chân.



T **SJ** BỘ ấm lót chân T chống tĩnh [illegible] có thể tháo vận, dẫn hướng và hấp thụ sốc [illegible] giữa lót chân và bàn [illegible] thoáng khí và hút ẩm.



[illegible] nhiệt [illegible] được nhiệt độ cao lên đến 300°C.



mũi chống **mài mòn (SC)**
Vật liệu che phủ mũi giày đã được thử nghiệm riêng [illegible] mài mòn vật liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở rộng [illegible] giày an toàn.

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
Xây dự n g, Ngành công n ghiệ p , Khai thác m ỏ , Dầu khí, ật thiế n thu

ường: **Môi** t
rư ờn g môi t rạnh ờn, môi bùn, Có t u yế t và băng giá, b ề mặt không bằn g phẳn g, Bề mặt cự c mịn ờ n, ng ướ t và môi khô ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Dầy, vệ sinh giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phương pháp cách hợp lý. Không trên lò s

K

Sự **miêu** t ả	ết quả	đơn vị **đo** lường
Những vật liệu **đầu** tiên g **cao** cấp hơn		
Top: khả năng thấm hút ẩm	? 0.8	5.3 giờ mg/cm/g
Top: hiệu suất hơi nước	? 15	49.5 mg/cm2
ót bên trong i **3D tái** ch ế **(100% tái** ch ế)		
Lớp lót: khả năng thấm hút ẩm	? 2	103.5 giờ mg/cm/g
lót: hiệu suất hơi nước	? 20	827.6 mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật liệu **tái** ch ế)		
ệ m chân Đ ch ố n g mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)	25600/12800	25600/12800 chu kỳ
goài Đ **BASF PU/Cao Su (NBR)**		
Ch ố ma sát mài mòn ế ngoài (	? 150	95 mm
a đế ngoài SRA- gót chân	? 0.28	0.35 ma sát
a đế ngoài SRA- Phẳ t g	? 0.32	0.38 ma sát
a đế ngoài SRB- gót chân	? 0.13	0.15 ma sát
ộc đế ngoài SRB- phẳn g	? 0.18	0.21 ma sát
ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	150 megaohm
ị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A megaohm
Hấp thụ năng l ượ g gót chân củ	? 20	28 J
Đ ứ n g đầ **Thép**		
Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A mm
Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A mm
Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	16 mm
Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	17 mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi, khẳng định có quyền sở hữu và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Sự **miêu** t ả	ết quả	đơn vị **đo** lường
i **CO phát** thả		
V ật l iệu	9.72	kg
Bao bì	0.20	kg
ất Sản x u	1.90	kg
Chuyên ch ở	0.26	kg
	12.07 kg CO2/ cặp	

Sự **miêu** t ả	ết quả K
ệ vật l Tiệ **tái** ch ế	
Product	7%
Bao bì	18%

Tính toán CO2:
ị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.

SAFETY JOGGER WORKS
HEAD-TO-TOE PROTECTION
ENGINEERED IN EUROPE
www.safetyjogger.com